

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/KDTM-PT

Ngày 19/8/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Tuấn Trọng.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Thực và bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Văn Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Chi- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2025/KDTM-PT ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2025 giữa đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; Địa chỉ: Số A L, phường T, Thành phố Hà Nội; Đại diện theo ủy quyền: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Q1 và khai thác tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; Địa chỉ: Số C L, phường N, thành phố Hà Nội; Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đăng T, chức danh Chuyên viên xử lý nợ. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành X, sinh năm 1960 và bà Khúc Thị T1, sinh năm 1963; Điều có hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Hiện đều đang tạm trú: Tọa hóa B, đường L, Tổ C, Thôn N, xã H, tỉnh Lâm Đồng. Đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn D (nay là thôn K Bên), xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1984 và bà Vũ Thị H1, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Thôn D (nay là thôn K Bên), xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q trình bày:

Ngày 31/5/2012, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (viết tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Thành X, bà Khúc Thị T1 đã ký Hợp đồng tín dụng số 66.12.740.1201109.TD.CN, cùng các khế ước nhận nợ, với số tiền thỏa thuận được cấp là 400.000.000 đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền cho vay theo thỏa thuận. Thời hạn vay đến ngày 17/5/2013, lãi suất là 14%/năm, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay đã trả được một phần nợ gốc là 93.250.000 đồng và một phần lãi là 16.510.826 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là toàn bộ quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 30, diện tích 412 m², tại thôn D, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN432916, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00262- 770/QĐ - UBND do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26/9/2004 cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị B.

Đến kỳ trả nợ, bên vay đã không thanh toán nợ gốc và lãi đến hạn theo hợp đồng, do vậy Ngân hàng khởi kiện với các yêu cầu:

Về nợ gốc: Đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Thành X và bà Khúc Thị T1 phải trả Ngân hàng nợ gốc là 306.750.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 9.101.495 đồng, nợ lãi quá hạn là 679.425.726 đồng, số lãi tạm tính đến ngày 10/4/2024. Tổng cộng là 995.277.221 đồng và yêu cầu ông X bà T1 trả số lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến thời điểm thanh toán; trường hợp bên vay không thanh toán thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật để thu hồi nợ, nếu xử lý tài sản thế chấp không đủ số tiền thanh toán, ông X bà T1 vẫn phải thanh toán số nợ còn lại cho đến khi tất toán khoản nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Thành X và bà Khúc Thị T1 trình bày: Ông bà đều xác định việc ký kết hợp đồng tín dụng như Ngân hàng trình bày trên, do thời gian đã lâu nên không nhớ số tiền và thời gian vay; do làm ăn thất bại, nợ nần nhiều, những người cho vay đến thúc ép, lấy tài sản, nên ông bà cùng các con từ năm 2013 phải vào Đ, Lâm Đồng sinh sống đến nay. Ông X trình bày việc vay tiền Ngân hàng có thể chấp tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Văn H ở cùng thôn D, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Do ông H bị bệnh hiểm nghèo, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra, bà T1 đề nghị Ngân hàng miễn giảm tiền lãi vì hoàn cảnh kinh tế của gia đình hết sức khó khăn, số nợ gốc sau này các con của ông bà xin trả dần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị B trình bày: Ông bà có quan hệ là người cùng thôn với ông X. Về việc thế chấp tài sản, ông bà có tự nguyện ký hợp đồng thế chấp, nhưng không biết ông

X vay bao nhiêu tiền, thời hạn vay, lãi suất, mục đích làm gì. Khi Ngân hàng xuống thẩm định tài sản thì chỉ thống nhất trao đổi miệng là ông bà dùng tài sản đảm bảo cho số tiền vay là 200.000.000 đồng, nhưng thực tế Ngân hàng cho vay nhiều hơn số tiền này, khi ký kết hợp đồng thế chấp thì ông bà cũng không đọc, không được Ngân hàng giải thích gì. Quan điểm của ông bà đề nghị Ngân hàng miễn giảm tiền lãi cho ông X bà T1, ông bà sẽ vào nơi ở hiện nay trao đổi với ông X bà T1 để trả nợ cho Ngân hàng tiền gốc và một phần nhỏ tiền lãi. Về đất thế chấp là do bố mẹ để lại, ông C là em ruột ông H có làm nhà trên một phần đất, ông bà không nói gì với ông C về đất đang thế chấp, ông bà không có ý kiến gì về tài sản của vợ chồng ông C xây trên đất vì trước đây bố mẹ chỉ nói miệng là cho đất hai anh em.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông là em ruột của ông Nguyễn Văn H. Cuối năm 2019 đến 2021, vợ chồng ông có xây một ngôi nhà 01 tầng diện tích khoảng 60 m² trên thửa đất số 213, tờ bản đồ 30, địa chỉ thôn D, xã L, huyện V. Trước khi xây dựng thì vợ chồng ông có biết quyền sử dụng đất được thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho ông X bà T1 vay tiền, nhưng việc này không liên quan gì vợ chồng ông. Ông C đề nghị nếu phải xử lý tài sản thế chấp thì phải đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng ông.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản thể hiện: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 213, diện tích 412 m² (thực tế đo 412,3 m²), tại thôn D, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên ghi tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn H bà Nguyễn Thị B.

Tài sản gắn liền với đất của vợ chồng ông H là một ngôi nhà 02 tầng, mái bê tông cốt thép, xây năm 2009, sửa năm 2021, diện tích 150 m², trị giá hiện nay còn 331.725.000 đồng; chuồng trại chăn nuôi đã hết khấu hao; lán vẩy có diện tích 42 m², giá trị là 11.676.000 đồng; ngoài ra còn một số cây cối giá trị không lớn.

Tài sản gắn liền với đất của vợ chồng ông C là một ngôi nhà 01 tầng mái bê tông cốt thép, xây năm 2022, hoàn thành năm 2023, diện tích 73 m², trị giá là 308.206.000 đồng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2024/KDTM-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân huyện V, nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hưng Yên đã quyết định (tóm tắt):

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

+ Buộc ông Nguyễn Thành X và bà Khúc Thị T1 phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q nợ gốc là 306.750.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 9.101.495 đồng, nợ lãi quá hạn là 679.425.726 đồng, số lãi tính đến ngày 10/4/2024. Tổng cộng cả gốc và lãi là 995.277.221 đồng.

Kể từ ngày 11/4/2024 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

+ Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật, để thu hồi toàn bộ nợ. Các tài sản thế chấp gồm:

Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 30, diện tích 412 m² (thực tế 412,3 m²), tại thôn D, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN432916, vào sổ cấp giấy chứng nhận số H00262- 770/QĐ - UBND do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26/9/2004 cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị B.

Đối với tài sản của vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Vũ Thị H1 gắn liền trên đất là một ngôi nhà 01 tầng mái bê tông cốt thép, xây năm 2022, hoàn thành năm 2023, diện tích 73 m², trị giá hiện nay theo kết luận định giá là 308.206.000 đồng, không phải là tài sản thế chấp, nên khi xử lý tài sản thế chấp nếu vợ chồng ông C bà H1 có nhu cầu nhận chuyển nhượng tài sản thế chấp, thì được ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và mua các tài sản gắn liền với đất, nếu không có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì giá trị tài sản là ngôi nhà 01 tầng, mái bê tông cốt thép, xây năm 2022, hoàn thành năm 2023, diện tích 73 m² sẽ trả cho ông C bà H1, theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Ngân hàng kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa phần quyết định về phần xử lý tài sản của vợ chồng ông C theo hướng cho ngân hàng được quyền phát mại tài sản này hoặc cho ngân hàng được trả lại giá trị tài sản cho vợ chồng ông C tại thời điểm xử lý tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Các đương sự giữ nguyên yêu cầu, ý kiến đã trình bày nêu trên.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên trình bày quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q về thời hạn, người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, do đó đơn kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q thì thấy:

2.1. Ngày 30/5/2012, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị B ký Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Thành X và bà Khúc Thị T1 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 39, diện tích 412m², có địa chỉ tại thôn D, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên, đã được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 432916, số vào sổ cấp GCN: H 00262-770/QĐ-UBND vào ngày 26/9/2007 cho ông H, bà B và nhà ở là ngôi nhà 2 tầng kết cấu bê tông cốt thép, diện tích sàn 200m², diện tích xây dựng 400m² cùng các công trình xây dựng để duy trì hoạt động hàng ngày của ngôi nhà 2 tầng thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông H và bà B. Ngoài ra, bên thế chấp và bên nhận thế chấp còn thỏa thuận trong thời gian thế chấp, mọi công trình do bên thế chấp cải tạo, xây dựng thêm gắn liền với tài sản thế chấp đều thuộc tài sản thế chấp. Hợp đồng thế chấp tài sản nói trên được thể hiện dưới hình thức văn bản, có công chứng, các bên giao kết hợp đồng có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, các tài sản trên đất thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên thế chấp. Căn cứ các quy định tại Điều 342, 323, 689 và 715 BLDS năm 2005; Nghị định số 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 83/2010/NĐ - CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ - CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ - CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, thì hợp đồng thế chấp nói trên có hiệu lực pháp luật.

2.2. Do ông X và bà Thị vi P nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký, nên bên nhận thế chấp yêu cầu kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của ông X và bà T1 để thu hồi nợ cho ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 299, 303, khoản 3 Điều 318 BLDS năm 2015 và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận, là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản cùng ngày 04/5/2023 của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện trên đất, ngoài ngôi nhà 2 tầng thuộc sở hữu của bên thế chấp, còn có ngôi nhà 1 tầng, mái bê tông

cốt thép, diện tích 73m², có giá trị 308.206.000 đồng. Theo trình bày của bên thế chấp và anh Nguyễn Văn C thì ngôi nhà 01 tầng này là tài sản của vợ chồng anh C xây dựng năm 2022. Bên nhận thế chấp không phản đối tình tiết được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đưa ra. Cho nên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngôi nhà 01 tầng không thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp cũng như không xử lý tài sản này là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 318 BLDS, khoản 2 Điều 92 BLTTDS và thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng thế chấp.

Khi xử lý tài sản bảo đảm của bên nhận thế chấp, Tòa án cấp sơ thẩm giành quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và mua các tài sản gắn liền với đất là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị ngôi nhà 01 tầng thuộc sở hữu của vợ chồng ông C theo kết luận định giá là 308.206.000 đồng và buộc Ngân hàng trả lại giá trị của ngôi nhà 01 tầng cho vợ chồng ông C theo quy định của pháp luật, trong trường hợp vợ chồng ông C không có nhu cầu nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, là chưa rõ và không phù hợp với quy định tại Điều 306 BLDS, bởi theo quy định của Điều luật này thì tài sản phải được định giá tại thời điểm xử lý. Cho nên, kháng cáo của nguyên đơn cho rằng ngân hàng có trách nhiệm trả lại giá trị tài sản cho vợ chồng ông C tại thời điểm xử lý tài sản là có căn cứ, được chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 309 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2024/KDTM-ST ngày 10/4/2024 của TAND huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên (nay là TAND khu vực 4 – Hưng Yên) về quyết định xử lý tài sản bảo đảm như sau:

1.1. Trường hợp ông Nguyễn Thành X và bà Khúc Thị T1 không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 213, tờ bản đồ số 30, diện tích 412m² (diện tích thực tế 412,3m²), có địa chỉ tại thôn D, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN432916, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H00262- 770/QĐ - UBND do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26/9/2004 cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị B để thu hồi nợ cho ngân hàng.

1.2. Khi xử lý tài sản thế chấp, ông Nguyễn Đình C1 và bà Vũ Thị H1 được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và mua các tài sản gắn liền với đất; nếu không có nhu cầu nhận chuyển nhượng tài sản thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Đình C1 và bà Vũ Thị H1 giá trị ngôi nhà 01 tầng, mái bê tông cốt thép, diện tích 73 m², tại thời điểm xử lý tài sản.

1.3. Trường hợp xử lý tài sản thế chấp, sau khi trừ các chi phí xử lý tài sản thế chấp mà số tiền thu được không đủ thanh toán khoản nợ, ông Nguyễn Thành X và bà Khúc Thị T1 phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho ngân hàng.

2. Án phí phúc thẩm: Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003799 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

3. Các quyết định khác của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND khu vực 4 - Hưng Yên;
- VKSND khu vực 4 - Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VP; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tuấn Trọng